

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22-11-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con;
giữa chị L và anh N.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Mạnh.

2. Ông Nguyễn Văn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trọng Tuệ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1990 (Có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố T, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Đỗ Ngọc N, sinh năm 1986 (Có mặt).

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Toà án nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Đỗ Ngọc N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 16-10-2012. Chị L và anh N có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, sau đó vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc tại thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định khoảng 7 đến 8 năm thì bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do: Vợ chồng có tính cách không hợp, luôn luôn bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng thi thoảng cãi chửi nhau về tiền bạc và lối sống. Anh N chơi

bời dẫn đến nợ nần khiến xã hội đen đến đòi nợ. Vợ chồng không sống ly thân, nhưng đã chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 5-2022, nay chị xác định không có thai nghén gì với anh N.

Nay chị xác định không còn tình cảm tình nghĩa vợ chồng gì với anh N. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và đã kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Ngọc N.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Đỗ Ngọc Nguyên D, sinh ngày 08-11-2013 và cháu Đỗ Ngọc Khánh A, sinh ngày 16-02-2017. Hiện nay cháu D ở cùng với anh N còn cháu A đang ở cùng với chị.

Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng nếu anh N cũng muốn được trực tiếp nuôi con thì chị cũng đồng ý giao cháu D cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau và chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Đỗ Ngọc N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16-10-2012. Sau kết hôn, chúng tôi có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và chung sống với nhau tại xóm T xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được khoảng 7 đến 8 năm thì bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do: Vợ chồng có tính cách không hợp, luôn luôn bất đồng quan điểm sống, chúng tôi không có tiếng nói chung. Vợ chồng không thường xuyên cãi chửi nhau, nhưng không rõ lý do vì sao mà chị L tự ý bỏ nhà đi từ tháng 5 năm 2022, kể từ đó vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm.

Anh N xác định vẫn còn tình cảm với chị L. Mâu thuẫn giữa vợ chồng không có gì trầm trọng, cuộc sống hôn nhân vẫn bình thường; chị L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V xem xét giải quyết ly hôn anh không chấp nhận và không đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Ngọc Nguyên D, sinh ngày 08-11-2013 và cháu Đỗ Ngọc Khánh A, sinh ngày 16-02-2017.

Nếu ly hôn, anh không đồng ý giao cả 2 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh đề nghị Tòa án cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu không được thì anh đề nghị Tòa án cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và giao cháu A cho chị L

trực tiếp nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết và anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị Trần Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh N. Anh Đỗ Ngọc N chấp nhận và đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung chị L và anh N cùng đề nghị giao cháu Đỗ Ngọc Nguyên D cho anh N nuôi dưỡng; giao cháu Đỗ Ngọc Khánh A cho chị L nuôi dưỡng.

Về tài sản, công nợ và các nội dung khác: chị L và anh N không đề nghị xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L, cụ thể:

+ Xử thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Đỗ Ngọc N.

+ Về con chung:

Giao cháu Đỗ Ngọc Nguyên D, sinh ngày 08-11-2013 cho anh Đỗ Ngọc N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Đỗ Ngọc Khánh A, sinh ngày 16-02-2017 cho chị Trần Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

+ Về tài sản, công nợ và các nội dung khác: Đương sự không đề nghị nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị L và anh Đỗ Ngọc N đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện V, tỉnh N Định. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V thụ lý giải quyết vụ án dân sự về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa chị L và anh N là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

Chị Trần Thị L và anh Đỗ Ngọc N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị L, anh N đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn hạnh phúc và đã sống ly thân nhiều tháng nay.

Xét điều kiện vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người mỗi nơi, thực sự không còn quan tâm đến nhau; từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ, chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc gia đình. Chị L xác định vợ, chồng không còn khả năng đoàn tụ. Như vậy quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ giữa vợ và chồng của chị L và anh N đã không đảm bảo với quy định tại các Điều 17, 19, 20, 21 của Luật hôn nhân và gia đình và tại phiên tòa anh N đồng ý ly hôn với chị L. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 55 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện và xử thuận tình ly hôn giữa chị L với anh N là phù hợp.

[3] Về con chung:

Chị L và anh N có 02 con chung là cháu Đỗ Ngọc Nguyên D, sinh ngày 08-11-2013 và cháu Đỗ Ngọc Khánh A, sinh ngày 16-02-2017. Hiện nay cháu A đang sống cùng với chị L tại tổ dân phố T, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định; cháu D ở cùng với anh N tại thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Xét thấy tại biên bản hòa giải ngày 02 tháng 11 năm 2022 và tại phiên tòa; chị L, anh N đã thỏa thuận với nhau về việc nuôi con; việc thỏa thuận này của các đương sự được chấp nhận. Bản thân chị L, anh N đều có sức khỏe và có công việc, thu nhập ổn định. Như vậy chị L, anh N có đầy đủ các điều kiện cần thiết để nuôi dưỡng con chung. Ngoài ra cháu D đang ở cùng với anh N, cháu A đang ở cùng với chị L.

Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình: Giao cháu D cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu A cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; là phù hợp để đảm bảo đầy đủ các điều kiện tốt nhất để các cháu học tập, sinh hoạt và phát triển.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự không đề nghị nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Xử thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Đỗ Ngọc N.

2. Con chung:

Giao cháu Đỗ Ngọc Nguyên D, sinh ngày 08-11-2013 cho anh Đỗ Ngọc N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Đỗ Ngọc Khánh A, sinh ngày 16-02-2017 cho chị Trần Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Chị Trần Thị L và anh Đỗ Ngọc N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chị Trần Thị L phải nộp 300.000đ; số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001515 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định được đối trừ. (Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Chị Trần Thị L và anh Đỗ Ngọc N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh N Định;
- VKSND tỉnh N Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã T;
- Lưu Vp, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trường Nam